

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 21/6/2024
(V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

- 1/. Ông Danh Hưởng
- 2/. Bà Dương Thị Tú Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh ngày 10/02/1972.

Địa chỉ: 7 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho nguyên đơn: Anh Trần Quốc B, sinh ngày 10/5/1991.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Văn Minh T (C), sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh B có đơn xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2023, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh **Trần Quốc B** trình bày: Trước đây ông **Nguyễn Văn L** và ông **Văn Minh T (C)** có quan hệ làm ăn trong việc kinh doanh mua bán lúa với nhau từ năm 2022, theo thỏa thuận ông **T** có nghĩa vụ thu gom lúa từ các hộ nông dân ở địa phương rồi bán lại cho ông **L** để hưởng giá chênh lệch. Cuối năm 2022, ông **T** có liên hệ với ông **L** nói có mua được nhiều đồng lúa tươi của nông dân chuẩn bị thu hoạch trên địa bàn **huyện P, tỉnh Bạc Liêu** và yêu cầu ông **L** chuyển tiền đặt cọc để mua lúa. Cho nên, ông **L** đã nhiều lần chuyển tiền cho ông **T** với tổng số tiền là 255.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, ông **T** hẹn ông **L** cho ghe đi từ tỉnh Bến Tre xuống địa bàn **huyện P** để chở lúa nhưng khi ông **L** thuê ghe xuống **huyện P** thì ông **T** nói không thu hoạch được nên không có lúa để giao cho ông **L** nên ông **L** mới yêu cầu ông **T** trả lại tiền đặt cọc trước đây. Tuy nhiên, ông **T** chỉ trả lại cho ông **L** được số tiền 40.000.000 đồng còn số tiền còn lại thì ông **T** không có thiện chí trả lại cho ông **L** nên sau nhiều lần hẹn với nhau thì ngày 16/12/2022, ông **T** lập giấy nhận nợ xác nhận còn nợ ông **L** số tiền là 215.000.000 đồng và cam kết hẹn đến ngày 22/12/2022 sẽ trả cho ông **L** toàn bộ số tiền trên nhưng đến nay ông **T** vẫn không thực hiện.

Nay xét thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm nên ông **L** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Văn Minh T (C)** phải có nghĩa vụ trả cho ông **L** số tiền đặt cọc mua lúa còn nợ là 215.000.000 đồng và ông **L** không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Ngoài ra ông **L** không có yêu cầu gì khác.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ ông **Nguyễn Văn L** cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền cọc lúa của ông **Văn Minh T (Chí)** đề ngày 16/12/2022 thể hiện người nợ tiền ký tên và ghi họ **Văn Minh C1**.

Đối với bị đơn ông **Văn Minh T (C)**: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông **T** nhưng ông **T** không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn L** đối với ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn L** đối với bị đơn ông **Văn Minh T (C)**. Buộc

ông Văn Minh T (C1) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Văn Minh T (Chí) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với ông Văn Minh T (Chí). Ông Văn Minh T (C1) có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của anh Trần Quốc B, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Quốc B.

Đối với ông Văn Minh T (Chí) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Văn Minh T (Chí).

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, yêu cầu ông Văn Minh T (C1) có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền đặt cọc là 215.000.000 đồng. Ngoài ra ông L không còn yêu cầu nào khác thì Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông L cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền cọc lúa của ông Văn Minh T (Chí) đề ngày 16/12/2022 có nội dung: “Hôm nay ngày 16/12/2022... người nợ tiền Văn Minh C1”. Tại giấy nợ tiền cọc lúa được lập ngày 16/12/2022, người nợ tiền ký tên và ghi họ và tên Văn M Chí thể hiện nội dung ông T thừa nhận còn thiếu ông L số tiền nhận cọc lúa là 215.000.000 đồng và ông T cam kết sẽ trả cho ông L số tiền trên vào ngày 22/12/2022.

[3] Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Văn Minh T (C1). Nhưng ông T không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Từ đó, cho thấy ông T đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với ông L nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Do đó, ông L yêu cầu ông T thực

hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, do trong vụ án này ông **L** không có yêu cầu ông **T** phải bồi thường tiền cọc, cũng không yêu cầu gì khác mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **T** có nghĩa vụ trả lại số tiền nhận cọc lúa còn lại là 215.000.000 đồng cho ông, ngoài ra ông **L** không còn yêu cầu gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có đủ cơ sở căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Văn L** đối với ông **Văn Minh T** (Chí). Buộc ông **Văn Minh T** (C1) có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn L** số tiền là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của ông **Nguyễn Văn L** được chấp nhận nên ông **L** không phải chịu án phí. Ông **L** đã nộp số tiền tạm ứng án phí 5.375.000 đồng ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo biên lai thu số 0006360 được hoàn lại cho ông **L** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Buộc ông **Văn Minh T** (C1) phải có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

H

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn L** đối với ông **Văn Minh T** (C1) về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

2/. Buộc ông **Văn Minh T** (C1) có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn L** số tiền là 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo

mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn L không phải chịu. Ông L đã nộp số tiền tạm ứng án phí 5.375.000 đồng ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo biên lai thu số 0006360 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Buộc ông Văn Minh T (C1) phải có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.750.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An